

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Điều chỉnh theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTB-ĐTĐH, ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Quản lý tài nguyên và môi trường
Mã ngành: 7850101
Loại hình đào tạo: Chính quy
Số tín chỉ: 135

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo kỹ sư, cán bộ khoa học hoạt động trong các lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường nhằm sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu ô nhiễm, gìn giữ chất lượng môi trường góp phần phát triển bền vững.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức tốt, có lương tâm nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, có sức khỏe tốt để đáp ứng tốt yêu cầu công việc.

- Về kiến thức: Sinh viên nắm vững kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên ngành và kiến thức bổ trợ.

+ Khối kiến thức đại cương chủ yếu cung cấp những kiến thức về kinh tế chính trị, đường lối của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh, ngoại ngữ trình độ B chuẩn và các học phần cơ bản thuộc khối tự nhiên như toán, vật lý, hóa học, sinh học. Phần đại cương nhằm nâng cao trình độ về chính trị, tư tưởng, đồng thời tạo nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành.

+ Khối kiến thức cơ sở ngành nhằm mục tiêu trang bị những kiến thức cơ sở về tài nguyên và môi trường, các yếu tố tác động đến quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường. Khối kiến thức này làm nền tảng giúp người học có kiến thức tổng hợp để nghiên cứu tiếp thu khối kiến thức chuyên ngành.

+ Khối kiến thức chuyên ngành cung cấp những kiến thức chuyên môn sâu về cả lý thuyết và thực hành giúp sinh viên hình thành các kỹ năng chuyên môn cần thiết trong quản lý và bảo vệ nguồn tài nguyên và môi trường phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp sau khi ra trường.

- Về kỹ năng: có kỹ năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn công việc; có năng lực xây dựng kế hoạch hoạt động và tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát triển tài nguyên và môi trường, có kỹ năng thực hiện, tư vấn, thiết kế các dự án liên quan đến quản lý, bảo vệ và phát triển tài nguyên và môi trường.

- Về thái độ: có tinh thần trách nhiệm, có thái độ tích cực hợp tác, yêu thích nghề nghiệp, chủ động sáng tạo trong học tập và giải quyết các công việc trong thực tiễn sau khi tốt nghiệp ra trường, có cống hiến trong sự nghiệp phát triển bền vững và bảo vệ nguồn tài nguyên và môi trường.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

2.1.1. Chuẩn đầu ra khối kiến thức chung

- Được trang bị kiến thức về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam cũng như các kiến thức cơ bản về pháp luật hiện hành để có thể nhận thức và quán triệt chủ trương, chính sách của Nhà nước trong từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội.

- Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực Khoa học xã hội và Khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.

- Có kiến thức tin học, ngoại ngữ tương đương trình độ B và sử dụng được một số phần mềm phục vụ công tác quản lý tài nguyên và môi trường.

2.1.2. Chuẩn đầu ra kiến thức chung theo lĩnh vực đào tạo

- Có kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học, vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

- Vận dụng kiến thức để xây dựng và áp dụng các nguyên lý cơ bản sinh thái môi trường, khí tượng thủy văn, khoa học môi trường đại cương, quy hoạch sinh thái cảnh quan, quy hoạch môi trường, quản lý tài nguyên trong điều tra, đánh giá, phân tích và phát triển tài nguyên môi trường.

2.1.3. Chuẩn đầu ra kiến thức chung của khối ngành

- Có kiến thức về quản lý tài nguyên thiên nhiên, quản lý lưu vực, quản lý tài nguyên khoáng sản trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch và khai thác, sử dụng và phát triển bền vững tài nguyên môi trường.

- Có kiến thức về điều tra, quan trắc, phân tích và đánh giá về tài nguyên môi trường, trên cơ sở đó quy hoạch và xây dựng bản đồ về tài nguyên môi trường. Cũng như kiểm soát, phòng ngừa về khả năng suy thoái tài nguyên thiên nhiên và suy thoái ô nhiễm môi trường.

2.1.4. Chuẩn đầu ra kiến thức chung của nhóm ngành

- Có kiến thức cơ sở, chuyên ngành Quản lý tài nguyên và môi trường. Nắm được kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành, kiến thức cơ sở của ngành và kiến thức chuyên ngành trong Quản lý và phát triển tài nguyên và môi trường.

- Có kiến thức trong điều tra, phân cấp, xác định, đánh giá, quản lý và xử lý vấn đề cạn kiệt, suy thoái nguồn tài nguyên, suy giảm đa dạng sinh học và sự cố, ô nhiễm môi trường xảy ra.

- Có kiến thức trong quản lý và sử dụng tiết kiệm năng lượng, đồng thời bảo vệ sức khỏe môi trường. Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

- Có kiến thức cơ bản về luật pháp, chính sách phục vụ công tác bảo vệ tài nguyên và môi trường. Nắm vững kiến thức chuyên sâu phù hợp với yêu cầu thực tiễn về quản lý tài nguyên và môi trường.

2.2. Về kỹ năng

Có kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các công việc chuyên môn về quản lý tài nguyên và môi trường phù hợp với thực tiễn công tác. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và giải quyết các vấn đề phát sinh trong các hoạt động nghề nghiệp và hoạt động xã hội; linh hoạt vận dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế trong lĩnh vực chuyên ngành; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền;

Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể đọc hiểu và khai thác các tài liệu phục vụ chuyên môn; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn. Sử dụng thành thạo vi tính văn phòng để soạn thảo các văn bản, hợp đồng, xử lý số liệu trên máy tính; có khả năng giao tiếp, giao dịch với các đối tượng khác nhau, có khả năng thuyết trình; có kỹ năng làm việc nhóm, quản lý nhóm, làm việc độc lập, tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ; khả năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo về quản lý tài nguyên và môi trường; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

2.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Các cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường các cấp: Bộ Tài nguyên Môi trường, Sở Tài nguyên Môi trường, Phòng Tài nguyên Môi trường, Trung tâm Phát triển quỹ đất, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Cảnh sát môi trường, ... Các cơ quan nghiên cứu, đào tạo và tư vấn các cấp về sinh thái, tài nguyên và môi trường; Các tổ chức quốc tế, các dự án trong và ngoài nước về quản lý, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, ...

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 135 tín chỉ (*không tính phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng*).

Khối kiến thức giáo dục đại cương: 40 tín chỉ

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 95 tín chỉ

Trong đó:

Kiến thức cơ sở ngành: 25 tín chỉ

Kiến thức chuyên ngành: 55 tín chỉ

Thực tập nghề nghiệp: 5 tín chỉ

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp: 10 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT về tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Quy trình đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành.

6. Thang điểm: Thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ.

7. Nội dung chương trình:

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số T C	Loại tiết tín chỉ				Học phần tiền quyết
				Lên lớp		TS tiết (x hệ số)	Tự học	
				L T	T H			
7.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương			40	(không kể GDTC và GDQP)				
Bắt buộc			38					
1	LNL0001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin	5	65	10	85	150	
2	LTU0001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	25	5	35	60	LNL0001
3	LDL0001	Đường lối CM của ĐCSVN	3	40	5	50	90	LTU0001
4	LPL0001	Pháp luật đại cương	2	25	5	35	60	
5	NTA0001	Tiếng Anh 1	5	75		75	150	
6	NTA0002	Tiếng Anh 2	5	75		75	150	NTA0001
7	TTH0002	Tin học cơ sở	3	30	15	60	90	
8	GDQ0001	Giáo dục quốc phòng				165		
9	GDT0001	Giáo dục thể chất 1	1	5	10	25	30	
10	GDT0002	Giáo dục thể chất 2	2		30	60	60	GDT0001
11	TGT0064	Toán cao cấp	2	30		30	60	
12	HVP0023	Hóa đại cương	2	30		30	60	
13	NSU0123	Sinh học đại cương	3	35	10	55	90	
14	TGT0065	Toán xác suất thống kê	2	20	10	40	60	TGT0064

15	VDC0076	Vật lý	2	30		30	60	
16	HVP0024	Hóa phân tích	2	25	5	35	60	HVP0023
Tự chọn 1			2	SV chọn học 1 trong học phần sau				
17	TTH0003	Tin học nâng cao	2	20	10	40	60	TTH0002
	SVH0001	Văn hóa Tây Bắc	2	27	3	33	60	
	VTV0006	Soạn thảo văn bản	2	15	15	45	60	
	LTD0029	Xã hội học nông thôn	2	30		30	60	
7.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			85					
7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành			25					
Bắt buộc			20					
18	NSU0213	Sinh thái môi trường	2	24	6	36	60	NSU0123
19	NQM0247	Trắc địa bản đồ	3	30	15	60	90	TGT0064
20	NQM0182	Khoa học môi trường đại cương	3	45		45	90	NSU0123
21	NQM0252	Kiểm soát ô nhiễm không khí và tiếng ồn	3	45		45	90	HVP0023
22	NQM0253	Khoa học đất	3	35	10	55	90	HVP0024
23	NQM0180	Khí tượng thủy văn	2	25	5	35	60	NSU0213
24	NLS0108	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành	2	30		30	60	
25	NQM0202	Quy hoạch sinh thái cảnh quan	2	15	15	45	60	TTH0002
Tự chọn 2			5					
26 27	NTA0003	Tiếng Anh 3	5	75		75		NTA0002
	NQM0254	Mô hình hóa môi trường	3	30	15	60	90	NQM0247
	NQM0250	Thích ứng và Giảm nhẹ biến đổi khí hậu	3	45		45	90	NQM0180
	NQM0255	Phát triển bền vững	2	30		30	60	NQM0182
	NQM0205	Tai biến thiên nhiên	2	25	5	35	60	NQM0180
	NQM0191	Quản lý dự án	2	30		30	60	NLS0108
	NSU0215	Vệ sinh an toàn thực phẩm	3	40	5	50	90	
7.2.2. Kiến thức chuyên ngành			60					
7.2.2.1. Kiến thức chung của ngành			33					
Bắt buộc			29					
28	NQM0188	Phân tích môi trường	3	35	10	55	90	HVP0024
29	NQM0274	Quan trắc môi trường	3	45		45	90	NQM0182
30	NQM0251	Hệ thống thông tin địa lý và viễn thám	3	30	15	60	90	TTH0002

31	NQM0197	Quản lý tài nguyên động vật	4	60		60	120	NSU0123
32	NQM0199	Quản lý tài nguyên thực vật	4	54	6	66	120	NSU0123
33	NQM0275	Quản lý tài nguyên đất đai	3	45		45	90	NQM0253
34	NQM0256	Quản lý tài nguyên khoáng sản	3	45		45	90	NQM0253
35	NQM0272	Kỹ thuật quản lý lưu vực	3	45		45	90	NQM0180
36	NSU0218	Vi sinh vật môi trường	3	35	10	55	90	NSU0123
Tự chọn 3			4	Sinh viên chọn học 04 tín chỉ				
37 38	NQM0257	Kiểm soát ô nhiễm nguồn nước	2	30		30	60	NQM0180
	NQM0200	Quản lý tài nguyên trên cơ sở cộng đồng	2	30		30	60	NQM0253
	NQM0177	Du lịch sinh thái	2	27	3	33	60	NSU0213
	NQM0258	Quản lý môi trường đô thị	2	30		30	60	NQM0182
	NQM0259	Quản lý môi trường nông thôn	2	30		30	60	NQM0182
	NQM0273	Luật và chính sách về tài nguyên môi trường	2	30		30	60	LPL0001
	NQM0271	Khai thác sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên	2	30		30	60	NQM0253 NQM0180
	KIT0023	Kinh tế tài nguyên môi trường	2	30		30	60	
7.2.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành			22					
Bắt buộc			18					
39	NQM0260	Kỹ thuật xử lý nước thải	3	45		45	90	NSU0213
40	NQM0261	Kỹ thuật quản lý rừng bền vững	3	45		45	90	NSU0213
41	NQM0262	Quản lý và xử lý chất thải rắn	3	40	5	50	90	HVP0024
42	NQM0175	Đánh giá tác động môi trường	3	45		45	90	NQM0182
43	NQM0270	Quản lý môi trường	3	45		45	90	NQM0182
44	NQM0263	Nguyên lý bảo tồn đa dạng sinh học	3	45		45	90	NQM0197 NQM0199
Tự chọn 4			4	Sinh viên chọn học 04 tín chỉ				
45 46	NQM0264	Thiên tai và quản lý rủi ro	2	30	0	30	60	NQM0180
	NQM0265	Phân tích không gian môi trường	2	20	10	40	60	TTH0002
	NQM0204	Sản xuất sạch hơn	2	30		30	60	NSU0123
	NQM0266	Quy hoạch môi trường	2	25	5	35	60	NQM0182
	NQM0176	Độc học và sức khỏe môi trường	2	25	5	35	60	NQM0182
	NQM0267	Quản lý và sử dụng tiết kiệm năng lượng	2	30		30	60	NQM0256
7.2.2.3. Thực tập nghề nghiệp			5					

47	NQM0268	Thực tập nghề nghiệp	5		75	225	150	NQM0199 NQM0263 NQM0262 NQM0275 NQM0247
7.2.3. Chuyên đề thực tập tốt nghiệp			10					
48	NQM0269	Chuyên đề thực tập tốt nghiệp	10			450	300	NQM0268

8. Dự kiến kế hoạch đào tạo:

8.1. Dự kiến kế hoạch đào tạo (4 năm):

Học kỳ	Tên học phần	Số đvtc	Số tiết chuẩn
I	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin	5	85
	Pháp luật đại cương	2	35
	Tiếng Anh 1	5	75
	Toán cao cấp	2	30
	Hóa đại cương	2	30
	Sinh học đại cương	3	55
	Tổng	19	310
II	Tiếng Anh 2	5	75
	Toán xác suất thống kê	2	40
	Giáo dục thể chất 1	1	15
	Vật lý	2	30
	Hóa phân tích	2	35
	Tin học cơ sở	3	60
	Sinh thái môi trường	2	36
	Khí tượng thủy văn	2	35
Tổng	18	311	
III	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	35
	Giáo dục thể chất 2	2	30
	Khoa học môi trường đại cương	3	45
	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành	2	30
	Trắc địa bản đồ	3	60
	Khoa học đất	3	55
	Vi sinh vật môi trường	3	55
Tổng	16	280	
IV	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	50
	Quy hoạch sinh thái cảnh quan	2	45
	Kiểm soát ô nhiễm không khí và tiếng ồn	3	45

	Quản lý tài nguyên động vật	4	60
	Quản lý tài nguyên khoáng sản	3	45
	Tự chọn 1	2	30
	Tổng	17	275
V	Hệ thống thông tin địa lý và viễn thám	3	60
	Quản lý tài nguyên đất đai	3	45
	Quản lý tài nguyên thực vật	4	66
	Kỹ thuật quản lý lưu vực	3	45
	Phân tích môi trường	3	55
	Tự chọn 2	5	75
	Tổng	21	346
	Quan trắc môi trường	3	45
	Quản lý và xử lý chất thải rắn	3	50
	Nguyên lý bảo tồn đa dạng sinh học	3	45
	Tự chọn 3	4	60
	Thực tập nghề nghiệp QLTNMT	5	225
Tổng	18	425	
VII	Đánh giá tác động môi trường	3	45
	Kỹ thuật quản lý rừng bền vững	3	45
	Kỹ thuật xử lý nước thải	3	45
	Quản lý môi trường	3	45
	Tự chọn 4	4	60
	Tổng	16	240
VIII	Chuyên đề thực tập tốt nghiệp	10	450
	Tổng	10	450

8.2. Dự kiến kế hoạch đào tạo (3.5 năm):

Học kỳ	Tên học phần	Số đvtc	Số tiết chuẩn
I	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin	5	85
	Pháp luật đại cương	2	35
	Tiếng Anh 1	5	75
	Toán cao cấp	2	30
	Hóa đại cương	2	30
	Sinh học đại cương	3	55
	Tổng	19	310
	Tiếng Anh 2	5	75

II	Vật lý	2	30
	Toán xác suất thống kê	2	40
	Giáo dục thể chất 1	1	15
	Hóa phân tích	2	35
	Tin học cơ sở	3	60
	Sinh thái môi trường	2	36
	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành	2	30
	Khí tượng thủy văn	2	35
	Tổng	20	341
III	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	35
	Giáo dục thể chất 2	2	30
	Khoa học môi trường đại cương	3	45
	Trắc địa bản đồ	3	60
	Khoa học đất	3	55
	Vi sinh vật môi trường	3	55
	Kiểm soát ô nhiễm không khí và tiếng ồn	3	45
	Quản lý tài nguyên khoáng sản	3	45
	Phân tích môi trường	3	55
	Tổng	23	395
IV	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	50
	Quy hoạch sinh thái cảnh quan	2	45
	Quản lý tài nguyên động vật	4	60
	Quản lý tài nguyên đất đai	3	45
	Quản lý tài nguyên thực vật	4	66
	Kỹ thuật quản lý lưu vực	3	45
	Tự chọn 1	2	30
	Tổng	21	371
V	Hệ thống thông tin địa lý và viễn thám	3	60
	Quan trắc môi trường	3	45
	Quản lý và xử lý chất thải rắn	3	50
	Nguyên lý bảo tồn đa dạng sinh học	3	45
	Tự chọn 2	5	75
	Tự chọn 3	4	60
	Tổng	21	335
VI	Đánh giá tác động môi trường	3	45

Kỹ thuật quản lý rừng bền vững	3	45
Kỹ thuật xử lý nước thải	3	45
Quản lý môi trường	3	45
Tự chọn 4	4	60
Thực tập nghề nghiệp QLTN & MT	5	225
Tổng	21	465
Chuyên đề thực tập tốt nghiệp	10	450
Tổng	10	

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Quá trình thực hiện chương trình căn cứ vào quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, đồng thời căn cứ vào những quy định hiện hành của Trường Đại học Tây Bắc và Bộ Giáo dục và Đào tạo để thực hiện chương trình.

Đối với chương trình chi tiết của từng học phần, quá trình thực hiện có thể được đổi mới theo hướng đem lại hiệu quả cao trong đào tạo. Sự thay đổi này phải được thông qua Bộ môn, Khoa và được Ban Giám hiệu phê duyệt.

9.1. Về việc xây dựng đề cương chi tiết học phần

Chương trình đã phân bố cụ thể cân đối về thời lượng lý thuyết, thực hành/thảo luận và thực tập cho các học phần theo đúng quy định. Căn cứ vào thực tiễn dạy học và chương trình phổ thông mới, các bộ môn xây dựng nội dung chi tiết học phần cần chú ý đến những kiến thức, kỹ năng phục vụ trực tiếp và thiết thực cho việc đào tạo. Các Bộ môn chú ý tính kế thừa và thống nhất của các học phần trong và ngoài bộ môn.

9.2. Về phương pháp giảng dạy

Phương pháp đào tạo nói chung và phương pháp dạy học nói riêng sẽ hướng vào việc tổ chức cho sinh viên học tập với ý thức tự giác, chủ động, tích cực và sáng tạo, gắn liền với thực tiễn, cụ thể:

- Sử dụng các hình thức thảo luận, hoạt động nhóm trong học tập.
- Thông qua dạy học các học phần, chú ý đến việc rèn luyện cho sinh viên phương pháp và kỹ năng tự học, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm...
- Các học phần có lý thuyết và thực hành phải có sự phối hợp logic giữa lý thuyết và thực hành.
- Các học phần thực tập nghề nghiệp cần chia nhóm và có giảng viên chuyên môn hướng dẫn. Các bộ môn giao chuyên đề thực tập cuối khóa và khóa luận cho sinh viên và phân công giảng viên hướng dẫn.

9.3. Về đánh giá kết quả học tập

Việc đánh giá kết quả học tập thực hiện theo Quy chế đào tạo và Quy định cụ thể của Trường Đại học Tây Bắc.

TRƯỞNG KHOA

(Đã ký)

TS. Vũ Quang Giảng

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

(Đã ký)

TS. Đinh Thanh Tâm